

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/7/2022  
V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

\* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

\* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Ông **Nguyễn Tấn Để**

\* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn**: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1968 .

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh K.

\* **Bi đơn**: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh K.

(Bà H có mặt; Ông H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Phạm Thị H** trình bày:

Do quen biết bà và ông H về sống chung với nhau vào năm 1991, có sự chứng kiến của cha mẹ hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về quan điểm sống, ông H thường xuyên ăn nhậu, về nhà kiểm chuyện vô cớ để chửi mắng bà, bà nhin thì thôi nếu trả lời thì bị ông đánh đập, đập phá đồ đạc. Trước đây vì thấy các con còn nhỏ nên bà nhẫn nhịn bỏ qua, nay các con đã có gia đình tư riêng, trong nhà chỉ còn 02 vợ chồng nhưng càng ngày ông càng ăn nhậu nhiều hơn, lần nào cũng về nhà la lối om sòm, không để cho bà nghỉ ngơi trong khi bà bị bệnh thiếu máu não thường xuyên mất ngủ, mọi việc trong ngoài ông đều đùn đẩy hết cho bà, chỉ biết về nhà lấy tiền bán tôm, cua đi đãi bạn bè, bà muốn mua gì cũng phải hỏi xin từng đồng từng cắc. Xét thấy hiện tại bà không chịu đựng được nữa nên đề nghị ly hôn.

Về con chung có 02 chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1996. Hiện các con chung đã có gia đình riêng, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp để tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà H xác định vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà H xác định đã tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông H: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn H về sống chung với nhau vào năm 1991, có sự chứng kiến của cha mẹ hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Bà H xác định giữa bà và ông H có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1996. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung bà H xác định tự thỏa thuận, không tranh

chấp, ông H không có ý kiến gì về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung bà H xác định không có, ông H không có ý kiến gì về nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà H trình bày do quen biết bà và anh H về sống chung với nhau vào năm 1991, có sự chứng kiến của cha mẹ hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà và ông H không hòa hợp nhau về quan điểm sống, ông H thường xuyên ăn nhậu, về nhà kiếm chuyện vô cớ để chửi mắng bà, bà nhịn thì thôi nếu trả lời thì bị ông đánh đập, đập phá đồ đạc. Trước đây vì thấy các con còn nhỏ nên bà nhẫn nhịn bỏ qua, nay các con đã có gia đình tư riêng, trong nhà chỉ còn 02 ông bà nhưng càng ngày ông H càng ăn nhậu nhiều hơn, lần nào cũng về nhà la lối om sòm, không để cho bà nghỉ ngơi trong khi bà bị bệnh thiếu máu não thường xuyên mất ngủ, mọi việc trong ngoài ông đều đùn đẩy hết cho bà, chỉ biết về nhà lấy tiền bán tôm, cua đi đãi bạn bè, bà muốn mua gì cũng phải hỏi xin từng đồng từng cắc. Xét thấy hiện tại bà không chịu đựng được nữa nên đề nghị ly hôn.

Ông H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía bà H đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng ông H bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình là muốn duy trì quan hệ hôn nhân này. Như vậy, ông H mặc nhiên thừa nhận nguyên nhân bà H đưa ra là đúng. Đồng thời căn cứ vào xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V xác nhận giữa ông H và bà H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà H và ông H đã thật sự trầm trọng vì giữa ông, bà đã không còn sự cảm thông, yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Do ông, bà có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định bà H và ông H không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H xác định giữa bà và ông H có 02 chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1996. Bà H xác định các

con chung đã đủ tuổi trưởng thành, tự lao động sinh sống được, ông H không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không tranh chấp. Ông H không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về nợ chung: Bà H xác định không có. Ông H không có ý kiến gì về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### Căn cứ vào:

- Các Điều 227, 228, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

#### Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 chung Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1996, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005228 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên cần trừ xem như bà H đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**





